SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
**BỆNH VIỆN KIẾN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

*Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2024*

# YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

*Bệnh viện Kiến An* có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm Bộ dụng cụ nội soi tiêu hóa với kinh phí dự kiến **450.000.000 đ** ***(Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn)*** có nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Kiến An;

*Địa chỉ: Số 35 Trần Tất Văn, p. Phù Liễn, q. Kiến An, tp. Hải Phòng*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông: Nguyễn Trung Kiên – Trưởng phòng Vật tư thiết bị y tế, điện thoại: **0939.163.163**, địa chỉ email: kienkahpt@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

*Ghi rõ cách tiếp nhận báo giá theo các cách thức sau:*

*- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Kiến An;* Điện thoại: **0965.717.065.**

*- Nhận qua email:**phongvttbytbvka@gmail.com** (File mềm báo giá kèm cấu hình, thông số kỹ thuật được gửi dưới dạng PDF có đóng dấu và thêm file Word hoặc Excell)*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 02 tháng 04 năm 2024 đến trước 17h ngày 12 tháng 04 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày chào giá.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng/ khối lượng | Đơn vị tính |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bộ dụng cụ nội soi tiêu hóa | Như Phụ lục 01 chi tiết đính kèm theo | 01 | Bộ |

1. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Địa điểm cung cấp lắp đặt: Bệnh viện Kiến An;

Yêu cầu vận chuyển: Đảm bảo thiết bị an toàn, không trầy xước, đổ vỡ; lắp đặt đúng thiết kế và các tiêu chuẩn quy định;

2. Mô tả cụ thể tại mục " **Yêu cầu khác**" trong Phụ lục chi tiết đính kèm.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ghi theo thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

*(Đính kèm theo Phụ lục mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).*

***Nơi nhận:***
*- Như kính gửi;*
*- Đăng tải Website của Bệnh viện;*
*- Lưu VTTBYT.*

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN KIẾN AN

GIÁM ĐỐC
TS.BS. Nguyễn Bá Phước

**PHỤ LỤC 01**

**DANH MỤC CHI TIẾT BỘ DỤNG CỤ NỘI SOI TIÊU HÓA**

*Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 02 tháng 04 năm 2024 về việc mời chào giá bộ dụng cụ nội soi tiêu hóa*

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng/ khối lượng | Đơn vị tính |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Kìm sinh thiết dạ dày | Kìm sinh thiết dạ dày<br>Có kim hoặc không kim<br>Ngàm hình oval hoặc hình tròn<br>Chiều dài làm việc ≥ 160cm đến ≤ 180cm , tương thích với kênh làm việc ≥ 2.8mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 30 | Cái |
| 2 | Kìm sinh thiết đại tràng | Kìm sinh thiết đại tràng<br>Có kim hoặc không kim<br>Ngàm hình oval hoặc hình tròn<br>Chiều dài làm việc ≥ 230cm đến ≤ 240cm , tương thích với kênh làm việc ≥ 2.8mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 30 | Cái |
| 3 | Thòng lọng nóng cắt polyp | Thòng lọng hình Oval.<br>Chiều dài làm việc ≥ 230cm, đường kính vỏ ≤ 2.3mm<br>Độ mở loop 10mm<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 5 | Cái |
| | | Thòng lọng hình Oval.<br>Chiều dài làm việc ≥ 230cm, đường kính vỏ ≤ 2.3mm<br>Độ mở loop 15 mm<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 5 | Cái |
| | | Thòng lọng hình Oval.<br>Chiều dài làm việc ≥ 230cm, đường kính vỏ ≤ 2.3mm<br>Độ mở loop 30 mm<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 10 | Cái |
| | | Thòng lọng hình Oval.<br>Chiều dài làm việc ≥ 230cm, đường kính vỏ ≤ 2.3mm<br>Độ mở loop 36 mm<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 10 | Cái |
| 4 | Kim tiêm cầm máu | Kim tiêm cầm máu dạ dày, đại tràng.<br>Đường kính ≥ 22G đến ≤ 25G.<br>Độ nhô đầu tip ≥ 4mm đến ≤ 6mm<br>Đường kính ống catheter ≤ 2.3mm<br>Chiều dài làm việc: ≥ 180cm đến ≤ 230cm.<br>Kênh làm việc ≥ 2.8mm<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 30 | Cái |
| 5 | Clip cầm máu một chiều độ mở 11 | Đường kính mở 11 mm, xoay 1 chiều<br>Chiều dài ≥ 2300mm.<br>Kênh làm việc ≥ 2.8mm.<br>Đóng mở được nhiều lần.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 100 | Cái |
| 6 | Clip cầm máu hai chiều độ mở 16 | Đường kính mở ≥16 mm, xoay 2 chiều 360 độ<br>Chiều dài ≥ 2300mm.<br>Kênh làm việc ≥2.8mm.<br>Đóng mở được nhiều lần.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | 560 | Cái |
| 7 | Đầu thắt tĩnh mạch thực quản | Chất liệu không chứa Latex<br>Đầu thắt có 6 vòng thắt, đường kính đầu thắt: ≥ 9.4 mm đến ≤ 13 mm<br>Chiều dài dây ≥ 145cm; | 50 | Cái |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Kênh làm việc ≥ 2.8mm.<br>Cấu trúc 1 sợi kéo.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc EC hoặc FDA | | | |
| 8 | Vợt lấy dị vật | Vợt hớt dị vật hình Oval dùng một lần. Chiều dài làm việc ≥ 160 đến ≤ 230cm, đường kính ≤ 30mm, tương thích với kênh làm việc ≥ 2.8mm.<br>Tiêu chuẩn Iso 13485 | 10 | | Cái |
| 9 | Kìm gắp dị vật | Kìm gắp dị vật ngàm cá sấu.<br>Loại có vỏ hoặc không vỏ. Đường kính ngàm 2.3mm, độ mở ngàm ≥ 6.3mm đến ≤8.1mm. Chiều dài làm việc ≥120cm đến ≤ 230cm. Tương thích với kênh làm viêc ≥ 2.8mm | 5 | | Cái |
| | | Kìm gắp dị vật răng chuột<br>Loại có vỏ hoặc không vỏ. Đường kính ngàm 2.3mm, độ mở ngàm ≥ 6.3mm đến ≤8.1mm. Chiều dài làm việc ≥120cm đến ≤ 230cm. Tương thích với kênh làm viêc ≥ 2.8mm | 5 | | Cái |